

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I  
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát.	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
<b>Tổng</b>			25		15		0	20	0		<b>100</b>
				<b>5</b>		<b>15</b>		<b>10</b>		<b>10</b>	
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>30%</b>		<b>30%</b>		<b>30%</b>		<b>10%</b>		
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>60%</b>				<b>40%</b>				

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  
**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	<b>Đọc hiểu</b>	Thơ lục bát	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.(thể thơ)</li> <li>- Nhận biết số tiếng, số dòng, vần, của bài thơ lục bát.</li> <li>- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.</li> <li>- Nhận ra biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.</li> <li>- Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.</li> <li>- Nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.</li> </ul>	5TN	3TN	2TL	
2	<b>Viết</b>	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.</p>				1TL*
<b>Tổng</b>				<b>5 TN</b> <b>1TL*</b>	<b>3TN</b> <b>1TL*</b>	<b>2 TL</b> <b>1TL*</b>	<b>1 TL*</b>

Tỉ lệ %		25	35	30	10
Tỉ lệ chung		60		40	

## ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

### Môn Ngữ văn lớp 6

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

#### I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

Lặng rồi cả tiếng con ve  
 Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.  
 Nhà em vẫn tiếng ọ ời  
 Kéo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.  
 Lời ru có gió mùa thu  
 Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.  
 Những ngôi sao thức ngoài kia  
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.  
 Đêm nay con ngủ giấc tròn  
 Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

*(Mẹ, Trần Quốc Minh, Theo Thơ chọn với lời bình, NXB Giáo dục, 2002, tr. 28 - 29)*

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Mỗi cặp câu trong đoạn thơ trên có mấy tiếng?

- A. 6-8                      B. 7-7                      C. 6-6                      D. 8-8

**Câu 2.** Cho biết thể thơ của đoạn ngữ liệu trên?

- A. Song thất lục bát                      B. Tự do.  
 C. Lục bát                      D. Tám chữ

**Câu 3.** Hai câu thơ: “*Những ngôi sao thức ngoài kia  
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con*”, thể hiện tình cảm gì của người con đối với mẹ?

- A. Nhớ mẹ.  
 B. Biết ơn mẹ.  
 C. Kính trọng mẹ.  
 D. Tất cả đều đúng.

**Câu 4.** Hai câu thơ sau:

“*Những ngôi sao thức ngoài kia  
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con*”, đã sử dụng biện pháp tu từ:

- A. so sánh.  
 B. nhân hóa.  
 C. ẩn dụ.  
 D. hoán dụ.

**Câu 5.** Chỉ ra các vần được gieo trong 2 câu thơ đầu của bài thơ

- A. tròn - con
- B. ve - hè
- C. ve - ve
- D. ru - thu

**Câu 6.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Nhân vật ấy muốn bày tỏ tình cảm gì?

- A. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người con đang bày tỏ tình cảm biết ơn với người mẹ của mình.
- B. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người mẹ đang bày tỏ tình cảm biết ơn với người con của mình.
- C. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người cha đang bày tỏ tình cảm biết ơn với người con của mình.
- D. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người bà đang bày tỏ tình cảm biết ơn với người cháu của mình.

**Câu 7.** Tác dụng của biện pháp so sánh trong câu thơ “*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*” là gì?

- A. Giúp ta thấy được tình thương yêu lớn lao, suốt cuộc đời cha đối với con.
- B. Giúp ta thấy được tình thương yêu lớn lao, sự hi sinh thầm lặng, bền bỉ suốt cuộc đời mẹ đối với con.
- C. Giúp ta thấy được tình thương yêu lớn lao, sự hi sinh thầm lặng, bền bỉ suốt cuộc đời bà đối với cháu.
- D. Giúp ta thấy được tình thương yêu lớn lao, suốt cuộc đời mẹ đối với con.

**Câu 8.** Từ bài thơ trên rút ra bài học gì cho bản thân?

- A Phải biết ơn, thương yêu đấng sinh thành của chúng ta.
- B. Phải kính trọng đấng sinh thành của chúng ta.
- C. Phải thương yêu và kính trọng đấng sinh thành của chúng ta.
- D. Phải biết ơn, thương yêu và kính trọng đấng sinh thành của chúng ta.

**Câu 9.** Sau khi đọc bài thơ, em hãy đặt 01 câu bày tỏ tình cảm của em cha hoặc mẹ.

**Câu 10.** Bài thơ đã gợi cho em suy nghĩ như thế nào về tình cảm của ông bà cha mẹ đối với con cháu (*không quá 5 dòng*).

## **II. VIẾT (4.0 điểm)**

Bằng trải nghiệm thực của mình, hãy viết bài văn kể về một kỉ niệm đáng nhớ của em.

----- Hết -----

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  
**Môn: Ngữ văn lớp 6**

<b>Phần</b>	<b>Câu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>6,0</b>
	<b>1</b>	A	0,5
	<b>2</b>	C	0,5
	<b>3</b>	D	0,5
	<b>4</b>	A	0,5
	<b>5</b>	B	0,5
	<b>6</b>	A	0,5
	<b>7</b>	B	0,5
	<b>8</b>	D	0,5
	<b>9</b>	- Hình thức: viết câu đúng ngữ pháp - Nội dung: thể hiện được tình cảm yêu quý/biết ơn/ kính trọng,...	1,0
	<b>10</b>	- Ông bà cha mẹ là người đã sinh ra ta, đã mang lại cuộc sống này cho chúng ta - Yêu quý, kính trọng, biết ơn,....	1,0
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>	<b>4,0</b>
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể về một kỉ niệm đáng nhớ</i>	0,25
		<i>c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ. - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân em.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>	0,5

**HẾT**